



shǎn guāng dàn

闪光弹

noun · flashbang; stun grenade

Example Sentences

jǐng chá shǐ yòng le shǎn guāng dàn lái kòng zhì jú miàn
警察使用了闪光弹来控制局面。

The police used a flashbang to control the situation.

shǎn guāng dàn de qiáng guāng ràng rén zàn shí shī míng
闪光弹的强光让人暂时失明。

The intense light from the flashbang temporarily blinds people.

Trace each character, then write the word on your own.

闪	闪	闪	闪	闪	闪	闪	闪				
光	光	光	光	光	光	光	光	光			
弹	弹	弹	弹	弹	弹	弹	弹	弹	弹	弹	弹
弹	弹	弹									